

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
 - Tiến độ cung cấp hàng hóa;
 - Yếu tố thân thiện môi trường;
 - Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
 - Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|---------------------------------|
| 1. Tính hợp lệ và đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | | |
| Tính hợp lệ và đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa. | - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị; tiêu chuẩn sản xuất; tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 1.2 Chương V “Yêu cầu về kỹ thuật”. - Có bảng kê danh mục hàng hóa chào thầu với đầy đủ các nội dung: Model hoặc ký mã hiệu hàng hóa (nếu có); hãng sản xuất (nếu có); xuất xứ; đặc tính, thông số kỹ thuật. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 2. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý | Thời gian cung cấp hàng hóa hợp lý trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. | Đạt |
| | Không đề xuất thời gian cung cấp hàng hóa hoặc thời gian cung cấp hàng hóa >30 ngày | Không đạt |
| 3. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành, bảo trì | Có cam kết bảo hành, bảo trì với thời gian bảo hành, bảo trì đối với thiết bị, hàng hóa \geq 01 năm | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 4. Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng trước đó trong thời gian từ năm 2022, tính đến thời điểm đóng thầu. <i>(Được đánh giá dựa trên thông tin công bố “danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (http://muasamcong.mpi.gov.vn/) tính đến thời điểm đóng thầu)</i> | Có cam kết về uy tín của nhà thầu và không có hợp đồng bỏ dở do lỗi của nhà thầu. | Đạt |
| | Không có cam kết về uy tín của nhà thầu hoặc có hợp đồng bỏ dở do lỗi của nhà thầu. | Không đạt |
| 5. Các yếu tố đảm bảo chất lượng | | |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|---|--|--|
| Các yếu tố đảm bảo chất lượng | + Có cam kết hàng hoá phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng và được sản xuất từ năm 2024 trở lại đây đối với thiết bị mới, (không yêu cầu đối với thiết bị đã qua sử dụng). + Có cam kết hàng hóa được cung cấp trong gói thầu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; + Có cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn, phụ kiện kèm theo theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. + Có cam kết cung cấp CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu và cung cấp phiếu xuất xưởng đối với các hàng hóa trong nước; | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 6. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | | |
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế | Đạt |
| | Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Không đạt |
| Kết luận | | _____ |